

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HSST

Ngày: 21/11/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quang Quốc.

2. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2025/HSST, ngày 23 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Chu Văn T (tên gọi khác là T1), sinh ngày 15/6/1985 tại H - Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Làng N, xã K, tỉnh Gia Lai;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Chu Văn T2, sinh năm 1952 (liệt sĩ) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953.

Bị cáo có vợ là chị Đinh Thị H, sinh năm 1991 và có 02 con, lớn sinh năm sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2023; hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại: Làng N, xã K, tỉnh Gia Lai.

Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/12/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích); Ngày 28/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Kông Chro xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích); Ngày 18/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Kông Chro xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích).

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Làng N, xã K, tỉnh Gia Lai - vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Cao Thị Thanh V, sinh năm 1979; trú tại: C N, tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai - vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người phiên dịch:** Ông Đinh Văn T3, Bí thư Đoàn xã K là người phiên dịch tiếng Bahnar – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 05/6/2025, Chu Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36B3-620.09 đi đến quán B của chị Huỳnh Thị T4 thuộc thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai để ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, T đi qua quầy tính tiền để đi vệ sinh thì nhìn thấy 01 chiếc điện thoại Iphone 13 Pro Max phiên bản 128GB, màu vàng của chị Nguyễn Thị H1 (là con của chị T4 chủ quán) đang cắm sạc và để trên quầy tính tiền không ai trông coi. Nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên T rút điện thoại ra khỏi dây sạc rồi bỏ điện thoại vào túi quần và đi ra khỏi quán. Sau khi lấy được điện thoại, T điều khiển xe mô tô đi ra phường A, tỉnh Gia Lai để tìm địa điểm bán điện thoại. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T đến cửa hàng điện thoại di động T của chị Cao Thị Thanh V tại tổ A phường A, tỉnh Gia Lai và bán chiếc điện thoại cho chị V với giá 1.900.000 đồng.

Đến 09 giờ cùng ngày, chị Nguyễn Thị H1 đến quầy tính tiền để lấy điện thoại thì phát hiện điện thoại bị mất nên làm đơn trình báo vụ việc đến Công an xã K. Quá trình điều tra, Chu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Ngày 11/6/2025, Công an xã K chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS, ngày 17/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max phiên bản 128GB, màu vàng (GOLD), số IMEI:355365666898455 do Chu Văn T trộm cắp của chị Nguyễn Thị H1 trị giá 10.250.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT/VKS, ngày 23 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai đã truy tố bị cáo Chu Văn T ra trước Toà án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:
 - + Xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.
 - + Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu ý kiến đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

*Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo Chu Văn T được xác định theo lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa như sau: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/6/2025, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị H1, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 13 Pro Max phiên bản 128GB, màu vàng của chị H1. Sau đó, bị cáo đã đem chiếc điện thoại bán cho chị Cao Thị Thanh V được 1.900.000 đồng. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng.

[3]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Chu Văn T là phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét về nhân thân, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bản thân nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản để chiếm đoạt của bị hại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max có giá trị là 10.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Chính vì vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo bằng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại và người bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là ông Chu Văn T2 là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ L được Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Cao Thị Thanh V khi mua điện thoại do Chu Văn T bán thì bà V không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có, việc mua bán diễn ra ngay tình nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xử lý bà V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Chu Văn T không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con còn nhỏ nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án là chị Nguyễn Thị H1 sau khi nhận lại tài sản bị mất là chiếc điện thoại Iphone 13 Pro Max phiên bản 128GB, màu vàng (GOLD), số IMEI:355365666898455 đã yêu cầu bị cáo Chu Văn T phải bồi thường số tiền 300.000 đồng để sửa chữa, khắc phục lại chiếc điện thoại bị xây sát và bị cáo đã bồi thường xong cho chị H1.

Đối với số tiền 1.900.000 đồng bị cáo Chu Văn T thu được từ việc bán chiếc điện thoại Iphone 13 Pro Max phiên bản 128GB, màu vàng (GOLD), số IMEI:355365666898455 cho bà Cao Thị Thanh V thì trong quá trình điều tra bị cáo đã nộp lại số tiền này cho cơ quan điều tra sau đó cơ quan điều tra đã trao trả lại số tiền này cho bà V.

Tại phiên tòa, chị H1 và bà V có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8]. Về vật chứng vụ án:

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max phiên bản 128GB, màu vàng (GOLD), số IMEI:355365666898455 đã qua sử dụng là tài sản của chị Nguyễn Thị H1. Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị H1 theo quy định.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 36B3-620.09 đã qua sử dụng là tài sản của chị Đinh Thị H (vợ của Chu Văn T), chị H không biết việc T sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra đã xác định nguồn gốc xe mô tô trên là do bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953, trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa (là mẹ đẻ của bị cáo Chu Văn T) cho chị H để làm phương tiện đi lại vào năm 2021. Tuy nhiên, trong thời gian chị H sử dụng đã làm mất giấy tờ xe. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã chuyển chiếc xe nói trên cho Phòng C1 Công an tỉnh G xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[9]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Chu Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Chu Văn T **09** (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Chu Văn T.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử buộc bị cáo Chu Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 – Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án HS, DS;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Huy Viễn